

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: **91/2021/DS-ST**

Ngày: 24/12/2021

V/v: *Chia tài sản chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Gia Ánh;

Ông Bùi Bá Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Dương Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 48/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “*Chia tài sản chung hộ gia đình*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn Th (Hà Kim T), sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà 124, TDP số 5, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số nhà 124, TDP số 5, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

Chị Hà Thành H là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Hà Thị Thành H1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số nhà 126, TDP số 5, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

+ Chị Hà Thành H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 122, TDP số 5, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

- + Anh Đặng Văn H2, sinh năm 1979;
- + Cháu Đặng Trung H3, sinh năm 2007;
- + Cháu Đặng Thúy H4, sinh năm 2019;

(Cháu H3, cháu H4 do chị Hà Thị Thành H1, sinh năm 1981 và anh Đặng Văn H2, sinh năm 1979 là bố đẻ và mẹ đẻ làm đại diện theo pháp luật).

+ Cháu Hồ Hà Ngọc D, sinh năm 2014. Địa chỉ: Số nhà 122, TDP số 5, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

(Cháu D do chị Hà Thành H là mẹ đẻ làm đại diện theo pháp luật).

+ Trịnh Thị H5, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 27 đường L, phường T, quận N, thành phố Hà Nội.

+ Cháu Hà Thanh T, sinh năm 2013.

(Cháu T do anh Hà Văn Th, sinh năm 1986 là bố đẻ làm đại diện theo pháp luật).

Chị H1, anh H2, chị H5 uỷ quyền cho anh Hà Văn Th tham gia tố tụng.

+ Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm (Theo giấy uỷ quyền số 01 ngày 13/10/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hà Văn Th trình bày:

Bố anh là ông Hà Kim X đã chết năm 1997, mẹ là bà Nguyễn Thị Đ. Bố mẹ anh có 03 người con đó là Hà Thị Thành H1, Hà Thành H và anh là Hà Văn Th. Ngày 26/11/2000 UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp 06 thửa đất nông nghiệp với tổng diện tích 1203 m² thời hạn sử dụng 20 năm kể từ ngày 26/11/2000 đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ là mẹ anh.

Ngày 29/11/2016 UBND quận N ban hành Quyết định số 7909/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng khu đô thị mới P tại phường T, quận N đối với Hộ

gia đình bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 1.532.532.000 đồng (Một tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Việc UBND quận N đã mời gia đình bà Nguyễn Thị Đ lên nhận bồi thường, hỗ trợ nhưng các thành viên gia đình không thống nhất được phương thức phân chia quyền lợi khi nhận tiền. Do đó, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư UBND quận N đã có văn bản số 15/HĐ BTHT&TĐC ngày 10/7/2017, về việc chuyển tiền bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước N; trong đó có khoản tiền của gia đình nhà bà Nguyễn Thị Đ.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết kèm theo Quyết định số 7909 nêu trên thể hiện khi Nhà nước thu hồi thu hồi 964 m² đất nông nghiệp đã cấp theo Nghị định 64/CP cho gia đình anh, thì tại thời điểm được nhận bồi thường, hỗ trợ gồm có 04 hộ, có 10 nhân khẩu cùng được hưởng số tiền nói trên. Trong đó, phương án bồi thường, hỗ trợ đều tính 04 hộ (gồm: Hộ đứng tên: bà Nguyễn Thị Đ, bà Hà Thị H1, bà Hà Thị H và anh – Hà Văn T) đều hưởng quyền lợi như nhau, chỉ riêng mục 3.1 – hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 21 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND là tính quyền lợi theo số nhân khẩu (54.720.000 đồng).

Tổng số tiền là tài sản chung của hộ gia đình theo Điều 102, 212 của Bộ luật Dân sự hiện hành, thì được chia đều cho 04 hộ thành viên (không tính theo nhân khẩu) là: $1.532.532.000 \text{ đ} - 54.720.000 \text{ đ} = 1.477.812.000 \text{ đ} : 4 = 369.453.000 \text{ đ/hộ}$; còn lại $54.720.000 \text{ đ} : 10 \text{ nhân khẩu} = 5.472.000 \text{ đ/1 nhân khẩu}$. Gia đình anh có 3 nhân khẩu được hưởng số tiền là $369.453.000 \text{ đ} + (5.472.000 \text{ đ} \times 03 \text{ nhân khẩu}) = 385.869.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Hiện tại gia đình anh gặp rất nhiều khó khăn sau khi Nhà nước thu hồi đất, bản thân anh không có công ăn việc làm ổn định, dịch Covid-19 kéo dài, tiền bồi thường hỗ trợ kéo dài nhiều năm qua chưa nhận được. Nội bộ gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn, vốn khó khăn lại càng khó khăn hơn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là khoản tiền mà anh được bồi thường, hỗ trợ nêu trên cho anh được nhận khoản tiền được hưởng để anh sớm ổn định cuộc sống theo luật định.

** Tại bản tự khai đề ngày 08/6/2021 và các tài liệu khác, Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà nhất trí với lời khai của anh Th về nguồn gốc gia*

đình và nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp 964 m². Đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP bà là người trực tiếp sản xuất toàn bộ diện tích 964 m² mà nhà nước giao cho bà bằng việc trồng lúa, trồng rau muống, thời điểm đó các con còn nhỏ nên không tham gia gì vào việc sản xuất. Trong hộ khẩu có anh Hà Văn Th là người không tham gia trực tiếp sản xuất kể từ khi giao đất cho đến khi Nhà nước thu hồi đất. Do cuộc sống khó khăn bà buộc phải sang nhượng đất nông nghiệp cho người khác. Cụ thể năm 2008 bà chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu T1 và vợ là bà Nguyễn Thị Y, năm 2010 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung K, năm 2011 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L. Đến nay bà không nhớ tổng số tiền đã chuyển nhượng cho những người có tên trên. Khi chuyển nhượng có sự thống nhất của hai con là H1 và H còn T thì đồng ý trả lời bằng miệng. Do bà đã sang nhượng đến khi Nhà nước thu hồi thì quyền lợi thuộc về người mà bà đã sang nhượng. Nay anh Th yêu cầu chia tiền bồi thường theo bà đất nông nghiệp đã được thu hồi hết thời gian sử dụng 20 năm. Tiền chi trả đền bù 964 m² đất nông nghiệp được cho vào kho bạc nhà nước. Bà chưa được nhận tiền đền bù, nếu được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì bà sẽ trao trả người mà bà đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* *Tại bản tự khai đề ngày 22/10/2021 và các tài liệu khác chị Hà Thành H trình bày:* Việc anh Th (nguyên đơn) yêu cầu chia cho các dâu, rể, cháu, cũng như phương án đền bù dự án, bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý theo chia như vậy vì bà Đ là người trực tiếp sản xuất vậy quyền lợi được hưởng đền bù hoa màu, canh tác thuộc về bà Đ, không thể chia cho dâu, rể, các cháu mà anh Th khiếu kiện. Chị H cũng nhất trí với quan điểm của bà Đ. Bà Đ không đồng ý với các phương án đền bù của dự án nên việc chi trả tiền đền bù chưa được chấp thuận. Phần đất tài sản hộ gia đình hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tạo công ăn việc làm gấp 05 lần với đơn giá 201.600 đồng/m². Bà Đ là người trực tiếp sản xuất canh tác hoa màu, rau muống chuyên canh vậy bà Đ phải là người được hưởng 4 phần hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, thời điểm giao đất trong hộ gia đình chỉ được có 4 thành viên được hưởng quyền lợi gồm: bà Nguyễn Thị Đ, chị Hà Thị Thành H1, chị Hà Thành H, anh Hà Văn Th. Ba người con Hà Thị Thành H1, Hà Thành H, Hà Văn Th không tham gia sản xuất trực tiếp. Bà Đ chỉ nhất trí đền bù tiền đất nông nghiệp với 3 người con với giá đất đền bù là 201.600 đồng/m² đất nông nghiệp mà các thành viên được hưởng. Mà bà Nguyễn Thị Đ

đã đồng ý ký với dự án bồi thường với tiền đền bù phía Ủy ban và Ban dự án đền bù số tiền 1.186.298.400 đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm đồng) theo sổ sổ hộ khẩu 944200. Chủ hộ Nguyễn Thị Đ và 3 người con đã tách sổ hộ khẩu riêng. Chị H cũng nhất trí với việc chi trả như vậy đúng với quan điểm của bà Nguyễn Thị Đ. Bà Nguyễn Thị Đ đã sang nhượng đất cho anh Nguyễn Hữu Th1, Nguyễn Trung K, Nguyễn Thị L nên bà Đ không được quyền quyết định tiền dự án thu hồi chi trả đền bù. Điều có sự nhất trí của các con Hà Thị Thành H1, Hà Thành H (hai người con gái đều ký), riêng Hà Văn Th đồng ý bằng miệng. Nay bà Đ không giải tỏa được mặt bằng cho dự án nên dự án không chi trả tiền đền bù. Chị H phản đối việc anh Hà Văn Th đòi quyền lợi cho dâu, rể, các cháu. Chị không đồng ý với phương án chi trả tiền bồi thường của UBND quận Nam Từ Liêm nhưng cũng không khởi kiện UBND quận Nam Từ Liêm về việc chi tiền bồi thường hỗ trợ như trong Quyết định 7909.

Chị Hà Thị Thành H1, Anh Đặng Văn H2, Chị Trịnh Thị H5, Cháu Đặng Trung H3, cháu Đặng Thúy H4, Cháu Hà Thanh T đều nhất trí với lời khai của anh Hà Văn Th do anh Th là đại diện theo ủy quyền.

Cháu Hồ Hà Ngọc D nhất trí với lời khai của bà Nguyễn Thị Đ (là con của chị H do Chị H là mẹ đại diện theo pháp luật).

** Tại bản tự khai đề ngày 10/11/2021 của ông Nguyễn Hữu Th1, bản tự khai đề ngày 16/11/2021 của anh Nguyễn Trung K, bản tự khai đề ngày 17/11/2021 của bà Nguyễn Thị L, 3 người mua đất của bà Nguyễn Thị Đ trình bày: ông Th1, anh K, bà L có mua đất của bà Nguyễn Thị Đ, việc mua bán đều làm giấy tờ viết tay, không thông qua chính quyền địa phương và cũng không đi công chứng. Ông Th1, anh K, bà L không có yêu cầu gì về việc nhận tiền bồi thường đất nông nghiệp trên và đề nghị không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Th1, anh K, bà L sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên Tòa không xét.*

** Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm do ông Nguyễn Tiến Hùng Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất đại diện theo ủy quyền trình bày: Dự án Khu đô thị mới P là dự án Đối ứng BT cho Nhà đầu tư thực hiện để thu hồi vốn đã đầu tư vào dự án “Xây dựng tuyến đường L kéo dài”. Ngày 15/12/2008, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 2580/QĐ-UBND về việc cho phép đầu tư*

Dự án xây dựng Khu đô thị mới P, huyện T và quận TX, thành phố Hà Nội. Ngày 18/3/2009, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1290/QĐ-UBND về việc thu hồi 276.711m² đất tại phường N thuộc quận TX và các xã: T, M thuộc huyện T; giao cho Liên danh Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đô thị để thực hiện Dự án xây dựng khu đô thị mới P.

Theo danh sách quy chủ tại dự án, hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ bị thu hồi 964m² tại dự án (gồm 05 thửa đất: thửa số 54(1), tờ bản đồ số 3, diện tích 112 m²; số 90(1), tờ bản đồ số 3, diện tích 81m²; số 106(1) tờ bản đồ số 1, diện tích 105 m²; số 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 249m²; số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 417m²).

Ngày 14/8/2009, Tổ công tác đã mời đại diện hộ gia đình là bà Nguyễn Thị Đ điều tra kiểm đếm hiện trạng đối với toàn bộ 964m² đất nông nghiệp của hộ gia đình. Ngày 16/9/2009, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7280/QĐ-UBND thu hồi 964m² đất nông nghiệp hiện do hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ thường trú tại thôn P đang sử dụng để Xây dựng khu đô thị mới P theo Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 18/3/2009 của UBND thành phố Hà Nội. Ngày 29/11/2016, UBND quận Nam Từ Liêm ban hành Quyết định số 7909/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ với tổng số tiền BTHT là 1.532.532.000 đồng, bao gồm:

+Tiền bồi thường đối với 964m² đất nông nghiệp đã cấp GCN QSD đất:

$$964\text{m}^2 \times 252.000 \text{ đồng/m}^2 = 242.928.000 \text{ đồng.}$$

+Tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất (rau muốn chuyên canh):

$$964\text{m}^2 \times 18.000 \text{ đồng/m}^2 = 17.352.000 \text{ đồng.}$$

+Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

$$5.472.000 \text{ đồng/khẩu} \times 10 \text{ khẩu} = 5.472.000 \text{ đồng}$$

(Trong đó có 04 nhân khẩu nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo ND 64/CP và 06 nhân khẩu phát sinh)

+Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

$$964\text{m}^2 \times 1.260.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.214.640.000 \text{ đồng.}$$

+Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:

$$964\text{m}^2 \times 3.000 \text{ đồng/m}^2 = 2.892.000 \text{ đồng.}$$

Sau khi UBND quận Nam Từ Liêm phê duyệt phương án BTHT tại Quyết định số 7909/QĐ-UBND ngày 29/11/2016, dù được UBND phường T, UB MTTQ phường T, Tổ công tác, Chủ đầu tư nhiều lần vận động, hòa giải, tuy nhiên các thành viên trong hộ gia đình bà Nguyễn Thị Độ gồm bà Nguyễn Thị Đ, anh Hà Văn Th, chị Hà Thành H, chị Hà Thị Thành H1 không thống nhất được việc phân chia tiền BTHT. Tại các buổi vận động, chị Hà Thành H (em gái anh Hà Văn Th) cho rằng anh Hà Văn Th không tham gia lao động góp phần đổi với diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình do đó đề nghị chi trả tiền BTHT cho bà Nguyễn Thị Đ; anh Hà Văn Th đề nghị Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận chuyển tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, việc chi trả tiền BTHT cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Căn cứ quy định tại Khoản 3, Điều 30 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/4/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp phát sinh tranh chấp đã nêu: *“Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được chuyển vào Kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất.”*

Ngày 18/7/2017, Chủ đầu tư dự án đã chuyển số tiền BTHT của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Về yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn Th về việc phân chia tài sản chung là khoản tiền BTHT của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng khu đô thị mới P: Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được UBND huyện T giao đất nông nghiệp theo NĐ 64/CP và cấp GCN QSD đất sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích 1.203m² đất tại Quyết định số 1877/QĐ-UB ngày 26/12/2000, bao gồm 06 thửa đất: thửa số 169, tờ bản đồ số 3, diện tích 239m²; thửa số 54(1), tờ bản đồ số 3, diện tích 112 m²; số 90(1), tờ bản đồ số 3,

diện tích 81m²; số 106(1) tờ bản đồ số 1, diện tích 105 m²; số 183, tờ bản đồ số 2, diện tích 249m²; số 43, tờ bản đồ số 3, diện tích 417m². Số nhân khẩu nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của hộ gia đình gồm 04 nhân khẩu sản xuất nông nghiệp (tại thời điểm giao đất năm 1999-2000) gồm: bà Nguyễn Thị Đ, con gái Hà Thị Thành H1, con gái Hà Thành H, con trai Hà Văn Th. Bà Nguyễn Thị Đ là chủ hộ gia đình nên là người đại diện đứng tên trên phương án giao đất nông nghiệp cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các thành viên còn lại đều có quyền lợi đối với toàn bộ 1.203m² đất nông nghiệp được giao và cấp GCN QSD đất của hộ gia đình cũng như số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được UBND quận Nam Từ Liêm phê duyệt tại Quyết định số 7909/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 về việc phê duyệt phương án BTHT đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng khu đô thị mới P, phường T, quận Nam Từ Liêm.

Trường hợp các thành viên trong hộ gia đình (trong đó có anh Hà Văn Th) không thống nhất được phương án nhận tiền thì có quyền khởi kiện đề nghị cơ quan tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp phân chia tiền bồi thường, hỗ trợ. Về nội dung phân chia tiền bồi thường, hỗ trợ, UBND Quận đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thực hiện theo quy định của pháp luật làm cơ sở để các bên sớm nhận được tiền và bàn giao mặt bằng.

Trên đây là ý kiến của UBND quận Nam Từ Liêm, nay đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết và giải quyết xét xử vắng mặt đại diện của UBND quận.

Trung tâm phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm nhận được Văn bản số 344/CV-TA ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm về việc cung cấp chứng cứ tại vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 24/5/2021 về việc “Chia tài sản chung”. Trung tâm phát triển quỹ đất đồng ý với ý kiến của UBND quận Nam Từ Liêm, bên cạnh đó, Trung tâm phát triển quỹ đất ra công văn số 315/TTPTQĐ có ý kiến như sau: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 1.532.532.000 đồng (Bằng chữ: Một tỉ, năm trăm hai mươi hai triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng). Trong đó:

a. Bồi thường về đất: toàn bộ 964m² đất nông nghiệp

$$964\text{m}^2 \times 252.000 \text{ đồng/m}^2 = 242.928.000 \text{ đồng.}$$

b. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất:

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ có 10 nhân khẩu (gồm 04 khẩu nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP và 06 nhân khẩu phát sinh sau thời điểm giao đất) đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất. Cụ thể, số tiền hỗ trợ được xác định như sau:

10 nhân khẩu x 30kg/tháng x 12 tháng x 15.200 đồng/kg (Thông báo số 7218/STC-BG ngày 30/12/2015 của Sở tài chính Hà Nội) = 54.720.000 đồng.

c. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:

$$964m^2 \times 1.260.000 \text{ đồng}/m^2 = 1.214.640.000 \text{ đồng.}$$

d. Thương tiền độ bàn giao mặt bằng:

$$964m^2 \times 3.000 \text{ đồng}/m^2 = 2.892.000 \text{ đồng.}$$

e. Bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu:

$$964m^2 \times 18.000 \text{ đồng}/m^2 = 17.352.000 \text{ đồng.}$$

Trung tâm phát triển quỹ đất quận kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xem xét, giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và không đưa ra được phương án hòa giải đối với việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:
Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 29, Điều 3 Luật Đất đai; Điều 102, 212 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn Th về việc yêu cầu chia đôi với số tiền được đền bù, theo đó: Tiền bồi thường đối với 964m² đất nông nghiệp anh Th được 1/4; Tiền hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất anh Th được 1/10; Tiền hỗ trợ, đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm anh Th được 1/6;

Tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng anh Th được 1/6. Bác yêu cầu của anh Th về tiền bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2021, anh Hà Văn Th khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ về việc “*Chia tài sản chung*”. Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về việc chia tài sản chung*” theo quy định tại khoản 2, Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ: Số nhà 124, TDP số 5, phường T, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều có lời khai xác nhận ông Hà Kim X đã chết năm 1997, có vợ là bà Nguyễn Thị Đ. Sinh thời ông bà có 03 người con đó là Hà Thị Thành H1, Hà Thành H và Hà Văn Th.

Về nguồn gốc tài sản: Các đương sự đều xác nhận: ngày 26/11/2000, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 06 thửa đất nông nghiệp với tổng diện tích 1203 m², thời hạn sử dụng 20 năm kể từ ngày 26/11/2000, đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ. Diện tích đất bị thu hồi là 964m² nằm trong diện tích đất 1203m² đã được cấp GCNQSDĐ (trước đó nhà nước đã thu hồi 239m² đất của hộ gia đình bà Đ theo Quyết định số 10597/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 Của UBND huyện T thu hồi đất nông nghiệp xã T – Dự án Khu nhà ở Quốc hội).

Như vậy, các đương sự không có sự tranh chấp nhau về quan hệ huyết thống, nguồn gốc đất được giao cũng như được cấp GCNQSDĐ: anh Th, chị H1 và những người liên quan mà anh Th là đại diện theo ủy quyền đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án như Quyết định 7909 và yêu cầu được nhận số tiền được đền bù đúng như trong phương án bồi thường; bà Đ và chị H không đồng ý với phương án bồi thường theo Quyết định 7909 với lý do chỉ những người thời điểm được giao đất nông nghiệp và trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp mới được nhận tiền đền bù, mà cụ

thể chỉ có bà Đ là người chủ hộ và là người trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp mới được nhận tiền đền bù và còn những nhân khẩu phát sinh sau này như con dâu, con rể, cháu nội, cháu ngoại đều không được thuộc diện nhận tiền đền bù. Hơn nữa bà Đ khai đã bán cho những người liên quan là anh Th, chị Y, anh K và thế chấp sổ cho bà L vào những năm 2008, 2010, 2021 nên nếu có được nhận tiền đền bù thì những người liên quan này sẽ được nhận. Tòa án đã lấy lời khai của anh Th, chị Y, anh K và bà L, những người này đều thừa nhận có việc mua bán đất nông nghiệp giữa họ với bà Đ nhưng chỉ là giấy tờ viết tay, không có công chứng hay chứng thực, họ yêu cầu không đưa họ vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp họ sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác nên Tòa không xét.

Về yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn Th, UBND quận Nam Từ Liêm cũng đã có quan điểm: về nguồn gốc đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ và căn cứ ra Quyết định 7909, cụ thể: Hộ gia đình bà Đ được UBND huyện T giao đất nông nghiệp theo NĐ64/CP và cấp GCNQSDĐ sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích 1203m², diện tích đất bị thu hồi của dự án khu đô thị mới P là 964m². Số nhân khẩu nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo NĐ64/CP của hộ gia đình bà Đ gồm 04 nhân khẩu sản xuất nông nghiệp (tại thời điểm giao đất năm 1999-2000) gồm bà Nguyễn Thị Đ, con gái Hà Thị Thành H1, con gái Hà Thành H, con trai là Hà Văn Th. Bà Nguyễn Thị Đ là chủ gia đình nên là người đại diện đứng tên trên phương diện giao đất nông nghiệp cũng như GCNQSDĐ, các thành viên còn lại đều có quyền lợi đối với toàn bộ 1203m² đất nông nghiệp được giao và được cấp GCNQSDĐ của hộ gia đình cũng như số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được UBND quận Nam Từ Liêm phê duyệt tại Quyết định số 7909/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng Khu đô thị mới P, phường T, quận Nam Từ Liêm.

Mục đích khi Nhà nước có phương án bồi thường hỗ trợ người dân khi ra Quyết định 7909 là không những để bồi thường về đất mà còn hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất, ...

Xác minh về nhân khẩu năm 2016 tại UBND phường T cung cấp tại Công văn số 40 về xác nhận nhân khẩu thì hộ gia đình bà Đ có 04 nhân khẩu được

giao đất theo ND64/CP; khẩu sản xuất nông nghiệp phát sinh là 06 khẩu (con dâu con rể và cháu); khẩu sản xuất nông nghiệp hiện tại là 06 khẩu, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Đ là chủ hộ;
- Gia đình con gái: chị Hà Thị Thành H1 có 04 nhân khẩu gồm chị Hà Thị Thành H1, anh Đặng Văn H2 (chồng chị H1), cháu Đặng Trung H3 và cháu Đặng Thúy H4 (con của chị H1 với anh H2);
- Gia đình chị Hà Thành H có 02 khẩu gồm chị Hà Thành H và con gái Hồ Hà Ngọc D;
- Gia đình anh Hà Văn Th có 03 khẩu gồm anh Hà Văn Th, vợ là chị Trịnh Thị H5 và con gái Hà Thanh T.

Xét Quyết định 7909 về phương án bồi thường với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với nguồn gốc gia đình, nguồn gốc đất nông nghiệp, xác minh nhân khẩu và phù hợp mục đích khi nhà nước thu hồi đất nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn Th. Tổng số tiền hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được nhận bồi thường theo Quyết định 7909/QĐ-UBND là 1.532.532.000 đồng. Cụ thể phương án chia tiền bồi thường cho các thành viên hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ đã được Trung tâm phát triển quỹ đất cung cấp cho Toà án theo Công văn số 315 ngày 07/10/2021, theo đó chia cho các thành viên của hộ gia đình bà Đ như sau:

Về khoản bồi thường về đất:

Số nhân khẩu nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của hộ gia đình gồm 04 nhân khẩu sản xuất nông nghiệp (tại thời điểm giao đất năm 1999-2000) gồm: bà Nguyễn Thị Đ, chị Hà Thị Thanh H1, chị Hà Thành H, anh Hà Văn Th.

Số tiền bồi thường đối với 964m² đất nông nghiệp đã cấp GCN QSDĐ: 964m² x 252.000 đồng/m² = 242.928.000 đồng.

Như vậy mỗi nhân khẩu của hộ bà Nguyễn Thị Đ (gồm: bà Nguyễn Thị Đ, chị Hà Thị Thanh H1, chị Hà Thành H, anh Hà Văn Th) được hưởng: 242.928.000 đồng : 4 nhân khẩu = 60.732.000 đồng/nhân khẩu.

Về khoản bồi thường, hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi nhà nước thu hồi đất:

Theo Xác nhận số 40/UBND-ĐC ngày 15/7/2016 của UBND phường T về việc sử dụng đất, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và về hộ gia đình, cùng số nhân khẩu đang trực tiếp sử dụng tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ có 10 nhân khẩu (gồm 04 nhân khẩu: bà Nguyễn Thị Đ, chị Hà Thị Thanh H1, chị Hà Thành H, anh Hà Văn Th - nằm trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP và 06 nhân khẩu phát sinh sau thời điểm giao đất gồm: anh Đặng Văn H2, cháu Đặng Trung H3, cháu Đặng Thuý H4, cháu Hồ Hà Ngọc D, chị Trịnh Thị H5, cháu Hà Thanh T) đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất. Mức hỗ trợ: 10 nhân khẩu x 30kg gạo/tháng x 12 tháng x 15.200 đồng/kg (Theo thông báo số 7218/STC-BG ngày 30/12/2015 của Sở Tài chính Hà Nội) = 54.720.000 đồng.

Như vậy mỗi nhân khẩu được hưởng: 54.720.000 đồng : 10 nhân khẩu = 5.472.000 đồng/nhân khẩu

Về khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất:

Theo Xác nhận số 40/UBND-ĐC ngày 15/7/2016 của UBND phường T về việc sử dụng đất, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và về hộ gia đình, cùng số nhân khẩu đang trực tiếp sử dụng tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ có 06 nhân khẩu đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, gồm: bà Nguyễn Thị Đ, chị Hà Thị Thanh H1, chị Hà Thành H, anh Hà Văn Th, anh Đặng Văn H2, chị Trịnh Thị H5. Những nhân khẩu trên được hỗ trợ với mức hỗ trợ: $964\text{m}^2 \times 252.000 \text{ đồng/m}^2 \times 05 \text{ lần} = 1.214.640.000$ đồng.

Như vậy mỗi nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp gồm: bà Nguyễn Thị Đ, chị Hà Thị Thanh H1, chị Hà Thành H, anh Hà Văn Th, anh Đặng Văn H2, chị Trịnh Thị H5 được hưởng: $1.214.640.000 : 06 \text{ nhân khẩu} = 202.440.000$ đồng/nhân khẩu.

Về khoản thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:

Tổng số tiền thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng: $964\text{m}^2 \times 3000 \text{ đồng/m}^2 = 2.892.000 \text{ đồng}$.

Mỗi nhân khẩu hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được hưởng: $2.892.000 : 10 \text{ nhân khẩu} = 289.200 \text{ đồng/nhân khẩu}$.

Về khoản bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu:

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu: $964\text{m}^2 \times 18.000 \text{ đồng/m}^2 = 17.352.000 \text{ đồng}$.

Mỗi nhân khẩu hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được hưởng: $17.352.000 \text{ đồng} : 10 \text{ nhân khẩu} = 1.735.200 \text{ đồng/nhân khẩu}$.

Như vậy, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ các nhân khẩu của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được hưởng khi bị thu hồi 964m^2 diện tích đất nông nghiệp như sau:

Bà Nguyễn Thị Đ = chị Hà Thị Thành H1 = chị Hà Thành H = anh Hà Văn Th: $60.732.000 \text{ đồng (tiền bồi thường đất nông nghiệp)} + 5.472.000 \text{ đồng (khoản bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất)} + 202.440.000 \text{ đồng (khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm)} + 289.200 \text{ đồng (khoản thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng)} + 1.735.200 \text{ đồng (khoản bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu)} = 270.668.400 \text{ đồng}$.

Anh Đặng Văn H2 = chị Trịnh Thị H5: $5.472.000 \text{ đồng (khoản bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất)} + 202.433.333 \text{ đồng (khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm)} + 289.200 \text{ đồng (khoản thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng)} + 1.735.200 \text{ đồng (khoản bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu)} = 209.936.400 \text{ đồng}$.

Cháu Đặng Trung H3 = cháu Đặng Thuý H4 = cháu Hồ Hà Ngọc D = cháu Hà Thanh T: $5.472.000 \text{ đồng (khoản bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất)} + 289.200 \text{ đồng (khoản thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng)} + 1.735.200 \text{ đồng (khoản bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu)} = 7.496.400 \text{ đồng}$.

Cháu Đặng Trung H3, cháu Đặng Thuý H4, cháu Hồ Hà Ngọc D và cháu Hà Thanh T đều còn nhỏ (dưới 18 tuổi) nên số tiền bồi thường các cháu được

hưởng sẽ do bố mẹ các cháu là chị Hà Thành H, chị Hà Thị Thành H1 và anh Hà Văn Th quản lý.

Như vậy, tổng số tiền các hộ được nhận bồi thường, hỗ trợ đối với 964m² đất nông nghiệp như sau:

Hộ bà Nguyễn Thị Đ (gồm bà Nguyễn Thị Đ): 270.668.400 đồng.

Hộ chị Hà Thị Thành H1 (gồm chị Hà Thị Thành H1, anh Đặng Văn H2, cháu Đặng Trung H3, cháu Đặng Thuý H4): 495.597.600 đồng. Hộ chị Hà Thị Thành H1 uỷ quyền cho anh Hà Văn Th nhận số tiền bồi thường hỗ trợ trên.

Hộ anh Hà Văn Th (gồm anh Hà Văn Th, chị Trịnh Thị H5, cháu Hà Thanh T): 488.101.200 đồng. Đại diện hộ là anh Hà Văn Th nhận tiền bồi thường.

Hộ chị Hà Thành H (gồm chị Hà Thành H, cháu Hồ Hà Ngọc D): 278.164.800 đồng. Đại diện hộ là chị Hà Thành H nhận tiền bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26,39,271,272,273- Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Áp dụng Điều 102, 212, 219 Bộ luật Dân sự; Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn Th đối với bà Nguyễn Thị Đ về “*Chia tài sản chung hộ gia đình*”.

2/ Các hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ, anh Hà Văn Th, chị Hà Thành H, chị Hà Thị Thành H1 được nhận số tiền bồi thường theo Quyết định 7909/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND quận Nam Từ Liêm và phương án bồi thường hỗ trợ chi tiết kèm theo Quyết định như sau:

Hộ bà Nguyễn Thị Đ (gồm bà Nguyễn Thị Đ) được nhận: 270.668.400 đồng.

Hộ chị Hà Thị Thành H1 (gồm chị Hà Thị Thành H1, anh Đặng Văn H2, cháu Đặng Trung H3, cháu Đặng Thuý H4) được nhận: 495.597.600 đồng. Hộ chị Hà Thị Thành H1 uỷ quyền cho anh Hà Văn Th nhận số tiền bồi thường hỗ trợ trên.

Hộ anh Hà Văn Th (gồm anh Hà Văn Th, chị Trịnh Thị H5, cháu Hà Thanh T) được nhận: 488.101.200 đồng. Đại diện hộ là anh Hà Văn Th nhận tiền bồi thường trên.

Hộ chị Hà Thành H (gồm chị Hà Thành H, cháu Hồ Hà Ngọc D) được nhận: 278.164.800 đồng. Đại diện hộ là chị Hà Thành H nhận tiền bồi thường trên.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với Kho bạc Nhà nước quận Nam Từ Liêm để được chi trả số tiền trên như bản án đã tuyên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí:

Chị Hà Thị Thành H1 phải chịu 23.823.904 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Hà Văn Th phải chịu 23.524.048 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Chị Hà Thành H phải chịu 13.908.240 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

Anh Hà Văn Th đã nộp số tiền tạm ứng án phí 9.644.225 đồng theo Biên lai số 0033603 ngày 24/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh Th tiếp tục phải nộp 13.879.823 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội,;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đỗ Thuý Anh